

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2019/HC-PT

Ngày: 08/11/2019

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành
vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Lương Đức Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 77/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc “Khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2018/HC-ST ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10147/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa:

1. Người khởi kiện:

Ông Trương Ngọc C, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 2, khu 5A, phường T, thành phố P, tỉnh Q.

Người được ủy quyền của người khởi kiện: Bà Trương Thị Thu A; địa chỉ: Số 32, tổ 3, khu 6A, phường T, thành phố P, tỉnh Q (Giấy ủy quyền ngày 27/02/2018); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Đinh Đức T, luật sư Công ty luật TNHH T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Q; địa chỉ: Số 376 đường L, phường T, thành phố P, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn K – Phó Chủ tịch UBND thành phố P (Giấy ủy quyền ngày 06/9/2019); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt.

Người bảo vệ, quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Nguyễn Song P- Phó phòng TN&MT thành phố P; có mặt.

Ông Bùi Đăng T- Phó phòng Tư pháp thành phố P; có mặt.

2.2. UBND phường T, thành phố P, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn N – Phó Chủ tịch; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Đoàn Thị M; vắng mặt.

3.2. Bà Phạm Thị B; có mặt.

3.3. Ông Đặng Thái D; ông D ủy quyền cho bà B (Giấy ủy quyền ngày 27/8/2019); vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Tổ 2, khu 5A, phường T, thành phố P, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Năm 1991, gia đình ông Trương Ngọc C nhận chuyển nhượng từ ông bà Nguyễn Văn K - Đoàn Thị L 01 thửa đất tại tổ 79B, phường T, thành phố P, tỉnh Q. Năm 2005, UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) số AC797773 cho gia đình ông C đối với diện tích 117,1m² gồm 60m² đất ở và 57,1m² đất trồng cây lâu năm. Theo GCNQSD đất này thể hiện ngõ đi chung vào nhà bà Phạm Thị B ở vị trí phía nam thửa đất rộng 2,2m.

Ngày 20/10/2006, UBND thành phố P cấp GCNQSDĐ số AĐ 488737, số vào sổ H605 cho gia đình bà Phạm Thị B đối với diện tích 185m², gồm 162m² đất ở và 23m² đất trồng cây lâu năm. Theo GCNQSD đất này thể hiện ngõ đi vào nhà bà B có chiều rộng 2,1m.

Năm 2012, ông C có đơn đến UBND thành phố P đề nghị cấp lại GCNQSDĐ cho gia đình ông, ghi nhận bổ sung diện tích đất gia đình ông đang quản lý theo hiện trạng.

Ngày 01/4/2015, UBND thành phố P cấp GCNQSD đất số BQ585969, số vào sổ CH00035, mang tên Đoàn Thị M và Trương Ngọc C với diện tích 147,2m². Sau khi được cấp GCNQSD đất, gia đình ông C đã xây dựng tường rào bao quanh theo diện tích được ghi nhận trong GCNQSD đất.

Bà Phạm Thị B có đơn đề nghị giải quyết việc UBND thành phố P cấp đổi lại GCNQSD đất cho hộ ông Trương Ngọc C đã làm ngõ đi vào nhà bà B hẹp lại (từ 2,2m còn 1,5m), ảnh hưởng đến việc đi lại của gia đình bà.

Ngày 15/7/2016, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3125/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất số BQ585969, số vào sổ CH00035 ngày 01/4/2015 do UBND thành phố P cấp đối với bà Đoàn Thị M và ông Trương Ngọc C với lý do: Cấp đổi GCNQSD đất chưa tuân thủ các quy định về trình tự cấp giấy, vi phạm điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013.

Ông C, bà M đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Q yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết, bà Đoàn Thị M bị tai biến mạch máu não, phải đi cấp cứu nên không thể tham gia phiên tòa lần hai. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Q đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau khi vụ án bị đình chỉ, ngày 21/11/2017, gia đình ông C đã đề nghị UBND thành phố P và UBND phường T xem xét cấp lại GCNQSD đất của gia đình bà Phạm Thị B. Ông C cho rằng: Nguồn gốc đất của gia đình bà B chỉ thể hiện ngõ đi là 1,5m; nhưng bà B lại được cấp GCNQSD đất có ngõ đi là 2,2m.

Ngày 16/11/2017, UBND thành phố P, tỉnh Q đã ban hành Văn bản số 3983/UBND-BTCD, giải quyết đơn kiến nghị của bà Phạm Thị B, trong đó giao phòng tài nguyên môi trường tham mưu cho UBND thành phố P cấp lại GCNQSD đất cho gia đình bà M và ông C; đồng thời lập phương án bồi thường, hỗ trợ kinh phí xây dựng tường, giao UBND phường T cưỡng chế tháo dỡ.

Ngày 14/12/2017, UBND thành phố P đã cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD728465, số vào sổ CH000277 cho gia đình ông C, thể hiện ngõ đi vào nhà bà B rộng 2,1m và 2,27m.

Ngày 18/12/2017, UBND phường T ban hành Văn bản số 146/TB-UBND, yêu cầu gia đình ông C “tự tháo dỡ bức tường xây dựng trên ngõ đi chung” để “trả lại nguyên trạng ngõ đi chung”. Cùng ngày, UBND thành phố P ban hành Văn bản số 4349/UBND-TNMT, trả lời không chấp nhận đơn ngày 21/11/2017 của ông Trương Ngọc C kiến nghị về việc thu hồi GCNQSD đất của bà Phạm Thị B.

Tại Văn bản số 4349/UBND-TNMT ngày 18/12/2017, UBND thành phố P đã trả lời ông C, cho rằng: Ngày 20/9/2016, UBND tỉnh Q đã có Văn bản số 5853/UBND-TD, về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B. Như vậy, việc đề nghị thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho bà Phạm Thị B của ông C là việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hai gia đình bà Đoàn Thị M và bà Phạm Thị B đã được UBND thành phố P xem xét giải quyết tại các văn bản đã nêu trong Văn bản số 4349/UBND-TNMT ngày 18/12/2017.

Ngày 26/01/2018, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 338/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đối với hộ ông Trương Ngọc C để tháo dỡ bức tường đã xây dựng trả lại ngõ đi chung. Theo đó ông Trương Ngọc C được hỗ trợ số tiền 17.510.300 đồng, nguồn kinh phí do ngân sách phường T cân đối chi trả. Ông C đã được thông báo 02 lần nhưng ông không lên nhận tiền; UBND phường đã gửi tiền hỗ trợ vào Kho bạc Nhà nước P và thông báo niêm yết công khai số tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước P cho gia đình ông C.

Ngày 28/01/2018, ông Trương Ngọc C có đơn khởi kiện, sau đó có bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Q giải quyết:

1. Hủy quyết định về cấp GCNQSD đất số CD728465, số vào sổ CH000277, ngày 14/12/2017 của UBND thành phố P, tỉnh Q cho gia đình ông.

2. Tuyên bố hành vi không giải quyết đơn ngày 21/11/2017, nêu tại Văn bản số 4349/UBND-TNMT ngày 18/12/2017 và hành vi yêu cầu, vận động gia đình ông bằng nhiều cách, trong đó có tác động đến người thân, cơ quan quản lý của con gái ông để tự tháo dỡ bức tường xây dựng trên ngõ đi chung, nêu tại Văn bản số 3983/UBND-BTCD ngày 16/11/2017 của UBND thành phố P, tỉnh Q; hành vi tổ chức tháo dỡ tường ngày 31/01/2018 theo Văn bản số 13/TB-UBND ngày 30/01/2018 của UBND phường T, thành phố P, tỉnh Q là trái pháp luật.

3. Buộc UBND thành phố P, tỉnh Q thu hồi GCNQSD đất số AD 488737, số vào sổ H605, ngày 20/10/2006 của bà Phạm Thị B.

4. Buộc UBND phường T phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại cho gia đình ông bởi thực hiện các hành vi trái pháp luật gây ra theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước, số tiền 35.000.000 đồng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2018/HC-ST ngày 24/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Q, đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc C, đề nghị tòa án nhân dân tỉnh Q:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD728465, số vào sổ CH000277, ngày 14/12/2017 của UBND thành phố P, tỉnh Q và cấp lại Giấy chứng nhận cho gia đình ông theo đúng nguồn gốc sử dụng.

2. Tuyên bố hành vi không giải quyết đơn ngày 21/11/2017, của ông Trương Ngọc C; hành vi yêu cầu, vận động gia đình ông bằng nhiều cách, trong đó có tác động đến người thân, cơ quan quản lý của con gái ông để tự tháo dỡ bức tường xây dựng trên ngõ đi chung, của UBND thành phố P; hành vi tổ chức tháo dỡ tường ngày 31/01/2018, theo Văn bản số 13/TB-UBND ngày 30/01/2018, của UBND phường T, thành phố P, tỉnh Q là trái pháp luật.

3. Buộc UBND thành phố P, tỉnh Q thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị B.

4. Buộc UBND phường T phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại cho gia đình ông bởi thực hiện các hành vi trái pháp luật gây ra theo quy

định của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước, số tiền 35.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02/01/2019, người khởi kiện là ông Trương Ngọc C kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

1. Hủy quyết định về cấp GCNQSD đất số CD728465, số vào sổ CH000277, ngày 14/12/2017 của UBND thành phố P, tỉnh Q cho gia đình ông.

2. Tuyên bố hành vi: Tổ chức tháo dỡ tường ngày 31/01/2018 theo văn bản số 13/TB-UBND ngày 30/01/2018 của UBND phường T, thành phố P, tỉnh Q là

trái pháp luật, từ đó làm căn cứ buộc UBND thành phố P phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho gia đình ông do việc thực hiện các hành vi trái pháp luật gây ra theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

3. Buộc UBND thành phố P, tỉnh Q thu hồi GCNQSD đất của bà Phạm Thị B và cấp lại GCNQSD đất cho ông theo đúng nguồn gốc sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người được ủy quyền của người khởi kiện có kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2018/HC-ST ngày 24/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Q là có cơ sở; kháng cáo của ông Trương Ngọc C không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Ngọc C; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Ông Trương Ngọc C khởi kiện đề nghị hủy quyết định cấp GCNQSD đất, thu hồi GCNQSD đất, hành vi hành chính của UBND phường T, thành phố P là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 30; Điều 32 và Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo hủy quyết định về cấp GCNQSD đất số CD728465, số vào sổ CH000277, ngày 14/12/2017 của UBND thành phố P, tỉnh Q cho gia đình ông C. Buộc UBND thành phố P, tỉnh Q thu hồi GCNQSD đất của bà Phạm Thị B và cấp lại GCNQSD đất cho ông theo đúng nguồn gốc sử dụng; Hội đồng xét xử thấy: Theo tài liệu có trong hồ sơ, xác định nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình ông Trương Ngọc C và gia đình bà Phạm Thị B, thấy rằng: Năm 1991, hộ gia đình ông C nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng bà Đoàn Thị L và ông Nguyễn Văn K diện tích là 60m²; năm 1991, gia đình ông C xây dựng nhà cấp 3; trong quá trình sử dụng đất năm 2005 đã được cấp GCNQSD đất diện tích 117,1m² (trong đó có 60 m² đất ở và 51,7 m² đất trồng cây lâu năm); thể hiện ngõ đi vào nhà bà B ở vị trí phía Nam thửa đất rộng 2,2m; sau khi được cấp GCNQSD đất thì hộ ông C không có ý kiến gì.

[3] Năm 1984, bà Thủy chuyển nhượng nhà đất cho ông Kiều Văn U có ghi ngõ đi rộng 1,5m; nhưng theo Giấy phép xây dựng của ông U cấp ngày 24/02/1988 đã xác định là đất ngõ đi, không phải là đất của hộ ông U nữa. Theo hồ sơ thể hiện hộ gia đình bà B nhận chuyển nhượng nhà đất của ông U năm 1993 (thực tế ông U đã bán cho ông S, sau đó ông S bán cho hộ bà B). Năm 2006, hộ bà

B đã được cấp GCNQSD đất số AD 488737, số vào sổ H605 diện tích 185m² (trong đó đất ở 162m², đất trồng cây lâu năm 23m²); có thể hiện ngõ đi vào nhà bà B có chiều rộng 2,1m. Như vậy, hai gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp và đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phù hợp với Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới năm 2002 xác nhận hiện trạng để cấp GCNQSD đất các hộ đều đã ký biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất; phù hợp với hiện trạng sử dụng đất ổn định từ trước đó.

[4] Năm 2012, khi xảy ra mâu thuẫn tranh chấp ngõ đi, gia đình ông C mới có đơn xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề nghị mở rộng thêm phần diện tích sử dụng vào ngõ đi chung vào nhà bà B. Việc UBND thành phố P cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số BQ 585969 ngày 01/4/2015), căn cứ vào văn bản chuyển nhượng ngày 16/4/1984, của bà L cho ông Kiều Văn U, có kèm theo sơ đồ thể hiện ngõ đi rộng 1,5m để bổ sung thêm một phần diện tích cho hộ ông C, làm hẹp ngõ đi chung có chiều rộng trung bình 02m xuống còn 1,5m và hộ ông C xây dựng bức tường chạy dọc theo ngõ đi chung trên phần diện tích đất vừa được cấp bổ sung, trong khi cả hai hộ đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp kể từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 và năm 2006 và khi chưa giải quyết dứt điểm việc tranh chấp đất đai giữa hai hộ gia đình bà B, ông C là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 98, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013. Vì vậy, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3125/QĐ-UBND, ngày 20/7/2016 thu hồi GCNQSD đất số BQ585969 và cấp đổi lại GCNQSD đất số CD 728465, số vào sổ CH 000277, ngày 14/12/2017 cho hộ ông C, thể hiện ngõ đi vào nhà bà B rộng 2,1m và 2,27m theo đúng nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất và đảm bảo đúng trình tự, thủ tục cấp đổi. Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm cũng đã có tài liệu giải trình diện tích trong giấy chứng nhận QSDĐ cấp mới năm 2017, đã giảm phần diện tích đất được cấp thêm năm 2015, nhưng vẫn bằng đúng diện tích trong giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp năm 2015 là phù hợp hiện trạng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông C hủy quyết định về cấp GCNQSD đất số CD728465, số vào sổ CH000277, ngày 14/12/2017 của UBND thành phố P cho gia đình ông C; bác yêu cầu Buộc UBND thành phố P thu hồi GCNQSD đất của hộ bà B, để cấp lại GCNQSD đất cho ông C là đúng quy định pháp luật.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo tuyên bố hành vi tổ chức tháo dỡ tường ngày 31/01/2018 theo Văn bản số 13/TB-UBND ngày 30/01/2018 của UBND phường T, thành phố P là trái pháp luật; buộc UBND thành phố P phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho gia đình ông C do việc thực hiện các hành vi trái pháp luật gây ra theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo GCNQSD đất số CD 728465, số vào sổ CH 000277,

ngày 14/12/2017 thì bức tường mà gia đình ông C xây dựng nằm trên đất ngõ đi chung. Do đó, ngày 03/01/2018, UBND thành phố có Thông báo số 03/TB-UBND giao cho UBND phường T, tổ chức đối thoại tuyên truyền vận động hộ ông C, chủ động tháo dỡ bức tường xây dựng trên ngõ đi chung. Do hộ ông C không thực hiện tháo dỡ, nên UBND phường T tiến hành các thủ tục để tháo dỡ; hành vi tổ chức tháo dỡ bức tường của UBND phường T thực hiện theo đúng quy định, nên không phải hành vi trái pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trương Ngọc C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 14/3/2018, ông C đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Lý do: Ông C là người cao tuổi. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của ông C là đúng quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Trương Ngọc C, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2018/HC-ST ngày 24/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc C về việc đề nghị Tòa án:

1. Hủy quyết định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD728465, số vào sổ CH000277, ngày 14/12/2017 của UBND thành phố P, tỉnh Q và cấp lại Giấy chứng nhận cho gia đình ông theo đúng nguồn gốc sử dụng.

2. Tuyên bố hành vi không giải quyết đơn ngày 21/11/2017 của ông Trương Ngọc C; hành vi yêu cầu, vận động gia đình ông C bằng nhiều cách, trong đó có tác động đến người thân, cơ quan quản lý của con gái ông C để tự tháo dỡ bức tường xây dựng trên ngõ đi chung, của UBND thành phố P; hành vi tổ chức tháo dỡ tường ngày 31/01/2018, theo Văn bản số 13/TB-UBND ngày 30/01/2018, của UBND phường T, thành phố P, tỉnh Q là trái pháp luật.

3. Buộc UBND thành phố P, tỉnh Q thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị B.

4. Buộc UBND phường T phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại cho gia đình ông C bởi thực hiện các hành vi trái pháp luật gây ra theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước, số tiền 35.000.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; ông Trương Ngọc C được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Q;
- TAND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình